TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2025/KDTM-PT

Ngày: 05 – 9 – 2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung và ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2025/TLPT-KDTM ngày 23/6/2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"*. Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 28/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (Nay là TAND Khu vực 5 - Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2025/QĐ-PT ngày 14/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2; Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngụy Công T, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk) - có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Linh N, sinh năm 2002; trú tại: Số A đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) - có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngụy Công T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk) - có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Mai Thị Linh N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngụy Công T trình bày:*

Giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 do bà Nguyễn Thị H làm giám đốc (nguyên đơn) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 do bà Nguyễn Thị L làm giám đốc (bị đơn) có quan hệ buôn bán nông sản (Cà phê, Tiêu …) với nhau bắt đầu từ những năm 2014 – 2015. Việc mua bán giữa hai bên theo cánh thức bên mua thỏa thuận đặt hàng với bên bán về số lượng, chất lượng hàng hóa nông sản (hay còn gọi là độ quy chuẩn gồm 03 tiêu chí sau: Độ ẩm, Dung trọng (R), Tạp chất) và chốt giá theo giá thị trường tại thời điểm thỏa thuận. Phương thức giao hàng là bên bán phải đóng bao nông sản và vận chuyển giao tại kho bên mua có sự giám sát của hai bên, có thể giao hàng nhiều lần hoặc một lần (tùy thuộc vào khả năng gom hàng của bên bán) và bên mua thanh toán tiền cho bên bán theo số lượng hàng mà bên bán thực tế giao cho bên mua theo giá cả mà hai bên đã chốt theo hợp đồng. Tuy nhiên, nếu bên bán giao hàng vượt độ quy chuẩn thì bên mua phải cộng thêm giá cho bên bán, còn nếu bên bán giao hàng không đủ độ quy chuẩn thì bên mua có quyền trừ giá của bên bán. Việc thỏa thuận mua bán giữa hai bên có lúc thỏa thuận qua điện thoại, có lúc lập thành văn bản, có lúc thỏa thuận qua điện thoại trước rồi mới ký hợp đồng sau.

Với cách thức trên thì vào ngày 01/02/2021, giữa nguyên đơn với bị đơn có thỏa thuận qua điện thoại với nhau, theo đó bị đơn nhất trí bán cho nguyên đơn số lượng Tiêu hạt đen xô quy chuẩn là 60.000kg (60 tấn) với giá là 52.650 đồng/kg. Đến ngày 06/02/2021 thì bị đơn đã giao cho nguyên đơn 15.035,5kg Tiêu hạt đen xô, do Tiêu của bị đơn vượt độ quy chuẩn nên nguyên đơn cộng thêm giá cho bị đơn thành 57.048 đồng/kg, quy ra tiền là 857.745.000 đồng nhưng nguyên đơn mới chỉ thanh toán được cho bị đơn 800.000.000 đồng và còn nợ lại bị đơn 57.745.000 đồng. Đồng thời, bị đơn còn nợ lại của nguyên đơn số lượng 44.964,5kg Tiêu hạt đen xô.

Vì lý do cần hàng để giao dịch với khách hàng khác nhưng trong một thời gian dài mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc bị đơn tiếp tục giao hàng nhưng không thấy bị đơn giao hàng cho nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của nguyên đơn nên hai bên hẹn nhau và tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán tiêu đen xô ngày 11/4/2021, theo Hợp đồng thì bị đơn sẽ tiếp tục bán cho

nguyên đơn số lượng 44.964,5kg Tiêu hạt đen khô còn lại, đồng thời nguyên đơn cọc trước cho bị đơn 200.000.000 đồng (tương đương 3.798,67kg Tiêu) để đảm bảo chắc chắn cho việc bị đơn thực hiện đúng hợp đồng là giao đủ số hàng cho nguyên đơn vì nguyên đơn đang rất cần hàng để giao dịch với khách hàng khác. Theo hợp đồng thì bị đơn hẹn đến ngày 26/3/2022 sẽ giao đủ số lượng Tiêu 44.964,5kg nêu trên cho nguyên đơn và cam kết nếu bị đơn không giao hàng đúng thời hạn thì bị đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và nguyên đơn có quyền lấy nợ của bị đơn bằng Tiêu, tiền hoặc bằng hàng hóa khác dưới mọi hình thức (Tiêu tính theo giá thời điểm, đầu giá). Tuy nhiên, đến hạn bị đơn không giao được hàng cho nguyên đơn theo như thỏa thuận.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì vào ngày 21/01/2022 do bị đơn thấy giá Tiêu trên thị trường tăng mạnh và có khả năng không gom đủ số lượng hàng để giao cho nguyên đơn đúng thời gian thỏa thuận nên bị đơn có chuyển khoản cho nguyên đơn (thông qua tài khoản của ông Ngụy Công T là chồng bà H) 100.000.000 đồng với mục đích để bù giá Tiêu nhưng nguyên đơn không chấp nhận và nhiều lần gọi thoại thông báo cho bị đơn lên nhà nguyên đơn để thỏa thuận tính toán lại với nhau nhưng bị đơn không hợp tác. Đến ngày 30/03/2022 thì nguyên đơn đã chuyển khoản trả lại cho bị đơn số tiền này (thông qua tài khoản của ông Ngụy Công T).

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH MTV H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T3 số tiền 5.726.229.000 tiền bù giá + 200.000.000 đồng tiền đã nhận cọc ngày 11/4/2021 + 100.000.000 đồng ông H chuyển lại bà L ngày 30/3/2022 = 6.026.229.000 đồng.

Tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 18/7/2024 (Bút lục 33-35), nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải giao toàn bộ số tiêu còn lại 44.964,5 kg cho Công ty T2, Công ty T2 sẽ trả tiền theo giá tiêu đã ký kết trong hợp đồng là 44,964,5kg x 52.650 đồng/kg = 2.367.380.925đ. Trường hợp Công ty H1 không giao tiêu thì sẽ tính giá tiêu tại thời điểm Tòa án xét xử vụ án đối với 44.964,5 kg tiêu đen khô, buộc công ty H1 trả cho Công ty T2 Hiểu số tiền còn lại sau khi trừ số tiền 2.367.380.9254 (là giá trị của 44.964,5kg tiêu đen xô tại thời điểm hai công ty ký kết hợp đồng), đồng thời Công ty H1 phải trả cho Công ty T2 Hiểu 200.000.000 đồng tiền đặt cọc mà Công ty T2 đã cọc cho Công ty H1.

Đến ngày 16/4/2025, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện (Bút lục 118), theo đó đề nghị Tòa án buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 phải trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* và số tiền phạt cọc tương đương với giá thị trường của 3.798,67kg Tiêu đen hạt xô khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

** Theo các lời khai trong qua trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Mai Thị Linh N trình bày:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn H1 do bà Nguyễn Thị L làm giám đốc không có ký Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô ngày 11/4/2021 với Công ty T2 do bà Nguyễn Thị H làm giám đốc và bà L cũng không nhận số tiền cọc 200.000.000 đồng từ bà H theo như trình bày của nguyên đơn. Mặc dù kết luận giám định của Công An tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký, chữ viết trên Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô ngày 11/4/2021 do nguyên đơn xuất trình làm chứng cứ khởi kiện là của bà L và hình tròn con dấu đóng trên Hợp đồng này là con dấu của Công ty trách nhiệm hữu hạn H1 nhưng bà L không đồng ý với Kết luận giám định này và cũng không chấp nhận đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà L có yêu cầu Tòa án giám định lại: "tuổi mực" đối với Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô ngày 11/4/2021 tại Phân viện khoa học hình sự - Bộ C tại Hà Nội và đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định của Tòa án nhưng bà L không nộp, còn lý do vì sao thì bà N không biết rõ. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 28/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (Nay là TAND Khu vực 5 - Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 144, 147, 161, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3, khoản 3 Điều 4 và khoản 1 Điều 24 Luật Kinh doanh thương mại năm 2005; Các điều 116, 117, 275. 292, 328, 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 do bà Nguyễn Thị L làm chủ doanh nghiệp phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 do bà Nguyễn Thị H làm chủ doanh nghiệp số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và số tiền phạt cọc 588.794.000 đồng. Tổng cộng là 788.794.000 đồng *(Bảy trăm, tám mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng).*

Án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự. Sau khi xét sử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Mặc dù bị đơn không thừa nhận có ký kết Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô với nguyên đơn nhưng căn cứ Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thì có cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô vào ngày 11/4/2021. Căn cứ nội dung "Hợp đồng mua bán tiêu đen xô" do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì nguyên đơn giao cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng là để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng. Do bị đơn vi phạm, không thực hiện hợp đồng nên Cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền phạt cọc: cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phạt cọc tương đương với giá trị của 3.798,67kg Tiêu đen hạt xô tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 588.794.000 (đã làm tròn) là vượt quá giá trị tài sản đặt cọc, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và số tiền phạt cọc là 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; lời trình bày của những người tham gia tố tụng, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 do bà Nguyễn Thị L làm giám đốc phải trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 do bà Nguyễn Thị H làm giám đốc số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* và số tiền phạt cọc tương đương với giá thị trường của 3.798,67kg Tiêu hạt đen xô quy chuẩn khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Đồng thời cung cấp Hợp đồng Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô ngày 11/4/2021 giữa bên bán (Bên B) là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 và bên mua (Bên A) là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2. Bị đơn cho rằng không ký kết Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô ngày 11/4/2021 với nguyên đơn và không nhận số tiền 200.000.000 đồng của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo Kết luận giám định số 1975/KL-KTHS ngày 25/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thì chữ ký mang tên Nguyễn Thị L dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trong Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô ngày 11/4/2021 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị L trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra và hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn trên Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu Công ty TNHH một thành viên H1 - đăng ký tại Công an tỉnh B do cùng một con dấu đóng ra (BL 85).

Bị đơn không đồng ý với Kết luận giám định và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định "tuổi mực" của Hợp đồng nêu trên tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hà Nội, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nhưng bị đơn không nộp. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn tiếp tục có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định "tuổi mực" của Hợp đồng nêu trên tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an. Công văn số 2514/C09-P5 ngày 20/8/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an trả lời: Hiện nay, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định tuổi mực của tài liệu. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã đủ căn cứ xác định vào ngày 11/4/2021, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 do bà Nguyễn Thị H làm giám đốc và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 do bà Nguyễn Thị L làm giám đốc có ký kết Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô.

[3.2] Hợp đồng mua bán Tiêu đen xô ngày 11/4/2021 có nội dung: Vào ngày 01/02/2021, bà Nguyễn Thị L (Bên B) nhất trí bán cho bà Nguyễn Thị H (Bên A) 60.000 Kg Tiêu đen xô với giá là 52.650 đồng/01 kg. Bên B giao hàng tại kho bên A. Ngày 06/02/2021, bên B giao số lượng Tiêu là 15.035,5kg. Bà Nguyễn Thị L còn nợ bà Nguyễn Thị H tổng số T1 là 44.964,5kg. Ngày 11/4/2021 bà H giao tiền cọc mua Tiêu là 200.000.000 đồng (Bà L đã nhận đủ tiền). Hẹn đến ngày 26/3/2022 bà L phải thanh toán trả hết số lượng T1 đã ký trong Hợp đồng. Nếu giao hàng không đúng thời hạn thì bà L phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, bà H có quyền lấy nợ của bà L số Tiêu, tiền, hàng dưới mọi hình thức (Tiêu tính theo giá thời điểm, đầu giá).

Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn về Thông lệ mua bán nông sản giữa hai bên thì các bên thỏa thuận về giá cả, số lượng hàng hóa. Khi bên bán giao hàng thì bên mua mới thanh toán theo số lượng hàng hóa mà bên bán giao. Như vậy, thời điểm thanh toán là thời điểm nhận hàng hóa.

Theo nội dung của Hợp đồng ngày 11/4/2021 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm thì bà H giao số tiền 200.000.000 đồng cho bị đơn là tiền đặt cọc để đảm bảo cho việc bị đơn thực hiện hợp đồng mua bán Tiêu, cụ thể là đảm bảo việc bị đơn giao đủ số lượng Tiêu là 44.964,5kg và đúng thời hạn như đã thỏa thuận với nguyên đơn.

Tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Dân sự quy định như sau: *"Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền, hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm việc giao kết hoặc thực hiện hợp đồng"*. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền 200.000.000 đồng mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn là tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Dân sự.

[3.4] Theo Hợp đồng thì đến hết ngày 26/3/2022 bị đơn phải giao đủ số lượng

Tiêu như đã thỏa thuận cho nguyên đơn nhưng bị đơn không giao được hàng là vi phạm thỏa thuận với nguyên đơn. Lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn.

Tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự quy định: *"Nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc* ***và*** *một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận khác, do đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc.

Hợp đồng thỏa thuận nếu bị đơn không giao hàng đúng thời hạn thì nguyên đơn có quyền lấy nợ của bị đơn bằng Tiêu, tiền, hàng. Nguyên đơn không yêu cầu lấy nợ bằng Tiêu mà yêu cầu lấy nợ bằng Tiền là 200.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng đặt cọc là có căn cứ, phù hợp thỏa thuận cũng như yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với số tiền phạt cọc: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu từ bồi thường thiệt hại sang phạt cọc nên cần áp dụng quy định về phạt cọc để giải quyết. Nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng (không đặt cọc bằng kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác), do đó theo khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự thì bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền tương đương số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng. Việc quy đổi tài sản đặt cọc thành tiền chỉ áp dụng đối với tài sản đặt cọc là vật có giá trị.

Cấp sơ thẩm nhận định: Ngày 11/4/2021, nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng, tương đương 3.798,67kg Tiêu (giá Tiêu thời điểm đặt cọc là 52.650/kg). Đồng thời xác minh giá Tiêu ngày 28/4/2025 tại Công ty TNHH M thì 01kg Tiêu hạt đen xô tại thời điểm xét xử sơ thẩm có giá là 155.000 đồng/kg và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phạt cọc tương đương với giá trị của 3.798,67kg Tiêu đen hạt xô tại thời điểm xét xử sơ thẩm: 3.798,67kg x 155.000 đồng/kg. = 588.794.000 (đã làm tròn) là vượt quá giá trị tài sản đặt cọc, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự như đã nêu trên. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là phù hợp quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3.5] Từ các nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và khoản tiền tương đương là 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 400.000.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng; Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận: 388.794.000đ x 5% = 19.439.000 đồng (đã làm tròn).

[4] Chi phí tố tụng đã được cấp sơ thẩm giải quyết đúng quy định.

[5]] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên H1. Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 28/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (Nay là TAND Khu vực 5 - Đắk Lắk).

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 3; khoản 3 Điều 4 và khoản 1 Điều 24 Luật Kinh doanh thương mại năm 2005; Các Điều 116, 117, 275, 292, 328, 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và số tiền phạt cọc là 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2.2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 phải trả số tiền 388.794.000 đồng phạt cọc.

[2.3] Án phí sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 phải chịu 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu 19.439.000 đồng *(Mười chín triệu bốn trăm ba chín nghìn đồng)* án phí sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 57.013.000 đồng *(Năm mươi bảy triệu, không trăm mười ba nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006624 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực N), tỉnh Đắk Lắk,

hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền 37.574.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu năm trăm bảy bốn nghìn đồng)*.

[2.4] Chi phí tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H1 phải chịu 4.800.000 đồng *(Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng)* tiền chi giám định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin và đã chi phí xong.

[2.5] Về án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H1 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV H1 số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0006919 ngày 15/5/2025 và AA/2023/0006972 ngày 20/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực N, tỉnh Đắk Lắk).

[3] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa PT TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực N- Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường